

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Vinh

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/QĐXX-HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Thông báo số 08/TB-TA ngày 24/3/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THANH H**, sinh năm 1977; Tên gọi khác: Thượng H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 01, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thẩm mỹ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang L (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1942; vợ: Bùi Thị H, sinh năm: 1982 và 03 người con: lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **15/8/2020** cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

- Vũ Trường Th, sinh năm: 1981, địa chỉ nơi cư trú: ấp C, xã T2, huyện P, tỉnh Bình Phước, (vắng mặt).

- Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1967. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa, sinh năm 1975, cùng địa chỉ nơi cư trú: khu phố Đ01, phường T3, thành phố X, tỉnh Bình Phước, (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Bùi Thị H, sinh năm: 1982, địa chỉ thường trú: khu phố 1, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Trần Thanh H có một thửa đất diện tích 155m², tọa lạc tại thôn T4, xã R, huyện L, tỉnh Bình Phước, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số AD159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT, ngày 04/8/2005, thửa số 25264.25.226d, tờ bản đồ số 25, tên hộ: Trần Thanh H (viết tắt: GCN QSDĐ số AD159737). Năm 2013 do có nhu cầu chuyển đổi đất thổ cư của thửa đất nêu trên, H đã làm thủ tục và được UBND huyện Bù Gia Mập cấp sổ mới số BL 191433, vào sổ cấp GCN QSDĐ số CH01259/DS+CNĐ ngày 15/8/2013, đổi thành thửa 226D (viết tắt: GCN QSDĐ số BL 191433).

Thời điểm này H quen biết người tên với L (không rõ nhân thân, lai lịch) làm nghề in ấn và gửi hình GCN QSDĐ số AD159737 cho L làm 01 GCN QSDĐ số AD159737 giả. Tháng 10/2017 H dùng cuốn sổ đồ giả làm hợp đồng cầm cố với anh Nguyễn Trường Th để vay tiền cụ thể:

Ngày 09/10/2017 H vay số tiền 100.000.000 đồng của anh Th tại cửa hàng Thẩm mỹ viện Thượng H, thuộc đường Đ, phường T3, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ngày 24/10/2017 H tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng của anh Thanh. Trong các lần vay tiền có Bùi Thị H (là vợ của H) cùng ký, thời hạn vay 01 tháng. Khi vay tiền H đã trả lãi cho anh Thanh 04%/tháng, thời gian từ từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2018, tiền gốc chưa trả.

Khoảng tháng 10/2018 H tiếp tục thuê một người (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Zalo làm giả GCN QSDĐ số BL 191433 với giá 1.200.000 đồng. Ngày 20/12/2018 H mang GCN QSDĐ giả thế chấp cho bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 300.000.000 đồng, mức lãi thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng. H đã trả cho bà Ph khoảng 5-6 tháng tiền lãi, gốc chưa trả.

Tháng 03/2019 H bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 14/8/2019 và ngày 31/7/2019 anh Vũ Trường Th và bà Nguyễn Thị Ph làm đơn tố cáo Trần Thanh H tại Công an thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Ngày 14/8/2020 Trần Thanh H đến Công an phường 02, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số 22/2019/GĐ-KTHS ngày 06/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình Công an tỉnh Bình Phước giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/8/2005 tên người sử dụng đất hộ: Trần Thanh H, sinh năm 1977, số CMND 280655000 cấp ngày 24/7/1993, thường trú ấp 01, xã T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ở trang 03, góc dưới phải dưới mục “PHỐ

CHỦ TỊCH” có hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D H L T. BÌNH PHƯỚC ” và chữ ký mang tên Hoàng Xuân L (Ký hiệu A1).

Kết luận: Hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D H L T. BÌNH PHƯỚC ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M1-M10 đóng ra; ... Chữ ký mang tên Hoàng Xuân L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký giả được tạo ra bằng phương pháp in màu điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 47/2019/GĐ-TL ngày 06/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 191433 ký hiệu A là giả.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã thu giữ :

-01 bì thư niêm phong số 046070 bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 15/8/2013 (Giả);

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do UBND huyện L cấp ngày 04/8/2005 (Giả).

Tại Bản cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 20/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố Trần Thanh H về các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh H mức án từ 10 đến 11 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh H mức án từ 03 đến 04 năm tù về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung của các tội danh trên.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu về bồi thường nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Tiếp tục L theo hồ sơ vụ án các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sau:

-01 bì thư niêm phong số 046070 bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp ngày 15/8/2013 giả;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/8/2005 giả.

Bị cáo Trần Thanh H tại phiên tòa không thừa nhận đã cung cấp thông tin về thửa đất theo GCN QSDĐ số AD159737 cho đối tượng tên L để làm giả, mà giấy CNQSDĐ số AD159737 giả bị cáo phát hiện thấy trong hộc bàn nhà bị cáo nên mang đi thế chấp cho anh Nguyễn Trường Thanh để vay tiền, sau đó mới biết là giấy CNQSDĐ giả và bị cáo không bỏ trốn khỏi địa phương. Còn các hành vi phạm tội khác đúng như bản cáo trạng đã truy tố; bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện bị hại Nguyễn Thị Ph là bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về việc buộc bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, mà tự thỏa thuận với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì và khẳng định các lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, dùng nhục hình, sau khi lấy lời khai đã được nghe, tự đọc lại và xác nhận nội dung bản khai là đúng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh H khai:

Năm 2017 Trần Thanh H phát hiện thấy trong hộc bàn nhà bị cáo có 01 GCN QSDĐ không nhớ rõ số và các thông tin trong GCN QSDĐ, sau đó mang thế chấp cho anh Vũ Trường Th để vay tiền 02 lần tổng cộng là 150.000.000 đồng, không nhớ cụ thể thời gian vay, sau khi thế chấp mới biết là GCN QSDĐ giả.

Tháng 10/2018 bị cáo thuê một người trên mạng xã hội Zalo làm giả 01 GCN QSDĐ số BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ, ngày 15/8/2013 thuộc thửa số 226D, tờ bản đồ số 25, do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp tên Trần Thanh H với giá 1.200.000 đồng. Ngày 20/12/2018 bị cáo dùng GCN QSDĐ giả này thế chấp cho bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tháng 3/2019 do làm ăn thua lỗ, lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo đi nhiều nơi khác để tìm cơ hội làm ăn lại, chứ không có ý định bỏ trốn. Ngày 14/8/2020 bị cáo được cán bộ điều tra Công an thành phố Đồng Xoài điện thoại kêu về nên bị cáo ra Công an phường 02, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo Trần Thanh H cho rằng không cung cấp thông tin về thửa đất theo GCN QSDĐ số AD159737 cho đối tượng tên L để làm giả, mà bị cáo phát hiện thấy GCN QSDĐ trong hộc bàn nhà bị cáo nên mang đi thế chấp cho anh Th để vay tiền, sau đó mới biết là GCN QSDĐ giả. Lời khai này mâu thuẫn với các lời khai tại cơ quan điều tra; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú (tại các bút lục 79, 80, 81, 170, 171...). Xét tại thời điểm tháng 10/2017 khi thế chấp GCN QSDĐ cho anh Th thì GCN QSDĐ số AD159737 thật vào năm 2013 chính bị cáo đã đi làm thủ tục cấp đổi lại sổ và được UBND huyện Bù Gia Mập cấp lại sổ mới số sổ BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ, ngày 15/8/2013, thuộc thửa 226D, tờ bản đồ số 25 đứng tên bị cáo H, vì vậy GCN QSDĐ số AD159737 thật đã bị cơ quan cấp giấy chứng nhận thu hồi. Đồng thời, tại thời điểm này thì trước đó vào tháng 4/2017 bị cáo H đã thế chấp GCN QSDĐ số BL 191433 cho Ngân hàng BIDV để vay tiền của Ngân hàng. Tại phiên tòa, bị cáo cũng khẳng định trong gia đình bị cáo là người quản lý, nắm giữ các tài sản và lo toàn bộ chi phí sinh hoạt, do đó các tài sản QSDĐ của gia đình bị cáo tại thời điểm đó đang trong hiện trạng ai quản lý thì bị cáo là người biết rõ. Như vậy, trong ý thức chủ quan của bị cáo H là cố tình làm giả GCN QSDĐ số AD159737 và có mục đích dùng GCN QSDĐ giả để thế chấp tạo lòng tin với người bị hại để được nhận tiền. Do đó, bị cáo cho rằng không rõ nguồn gốc giấy CNQSDĐ số AD159737 giả ở đâu mà có và khi thế chấp cho anh Thanh không biết là sổ giả là cố tình quanh co chối tội, không thật sự thành khẩn, không thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; lời khai của bị cáo Trần Thanh H tại phiên tòa thừa nhận về những hành vi phạm tội khác theo nội dung bản cáo trạng đã truy tố phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan; các vật chứng; kết luận điều tra; kết luận giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp ngày 15/8/2013 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/8/2005 là giả. Phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trần Thanh H cung cấp thông tin về thửa đất của gia đình mình cho đối tượng tên L để làm giả một GCN QSDĐ số AD 159737 nhằm mục đích thế chấp,

tạo lòng tin để nhận tiền của người khác, cụ thể: Ngày 09 và 24/10/2017 H sử dụng GCN QSDĐ số AD 159737 giả thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Vũ Trường Th 02 lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng; Tháng 10/2018 H thuê một người khác làm giả một GCN QSDĐ số BL 191433 với giá 1.200.000 đồng, ngày 20/12/2018 H dùng GCN QSDĐ số BL 191433 lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ph số tiền 300.000.000 đồng.

Các hành vi Trần Thanh H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét về năng lực hành vi dân sự, bị cáo có đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, bản thân biết rõ việc làm giả các tài liệu của Cơ quan Nhà nước và sử dụng tài liệu giả vào mục đích gian dối, không đúng sự thật nhằm tạo niềm tin với các bị hại để các bị hại tin tưởng giao tài sản cho mình, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt là hành vi phạm tội, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi bị cáo thực hiện trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo 02 lần làm và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa các bị hại, cụ thể bị hại Vũ Trường Th số tiền 150.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Ph 300.000.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 450.000.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng...*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

Ngoài ra, cần áp dụng tính tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với cả hai tội danh.

Xét hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, làm mất lòng tin giữa con người với nhau, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại và các hành vi phạm tội khác; riêng hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức lần thứ nhất bị cáo chưa thực sự thành khẩn khai nhận hết. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử vẫn xem xét áp dụng một phần tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; đã khắc phục bồi thường anh Nguyễn Trường Th số tiền chiếm

đoạt; các bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và đại diện bị hại Ph (bà Hoa) tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do không khả thi.

Về khoản lãi suất bị cáo và các bị hại thỏa thuận: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi suất thì mức lãi các bên thỏa thuận không vượt quá quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và không yêu cầu tính toán lại khoản lãi đã trả nên không xem xét.

[5] Đối với Bùi Thị H cùng Trần Thanh H ký các giấy vay tiền của bị hại Nguyễn Trường Th nhưng không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên chưa đủ cơ sở xử lý.

Đối với các đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cung cấp cho Trần Thanh H, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

-Số tiền chiếm đoạt của bị hại Vũ Trường Th bị cáo đã hoàn trả đầy đủ, bị hại Thanh không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét;

-Đối với số tiền chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Ph 300.000.000 đồng, Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà Ph là bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu xem xét giải quyết về phần bồi hoàn số tiền này, mặc dù bà Hoa đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ quyền yêu cầu của bị hại, tuy nhiên bà Hoa từ chối và đề nghị không xem xét mà tự thỏa thuận với bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Vật chứng vụ án:

01 bì thư niêm phong số 046070 bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp ngày 15/8/2013 giả; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/8/2005 giả. Do các giấy tờ, tài liệu này có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần L theo hồ sơ vụ án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài: Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và đã khắc phục bồi hoàn cho bị hại Th, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, đảm bảo sự nghiêm khắc; Đối với đề nghị mức hình phạt của tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh H (Thượng H) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Thanh H **08 (tám)** năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

-Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Thanh H **04 (bốn)** năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh trên, buộc Trần Thanh H phải chấp hành hình phạt chung là **12 (mười hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/8/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Vũ Trường Th, Nguyễn Thị Ph (người đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngọc H) không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Tiếp tục L theo hồ sơ vụ án các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo gồm:

-01 bì thư niêm phong số 046070 bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 191433, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp ngày 15/8/2013 giả;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/8/2005 giả.

5. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Trần Thanh H phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- L HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thu Huệ